

TRƯỜNG CAO ĐẲNG
KINH TẾ - KỸ THUẬT CẦN THƠ
TRUNG TÂM GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG
VÀ AN NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ HỌC TẬP
MÔN HỌC GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH, KHÓA 2 NĂM 2026

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 352/QĐ-KTKT, ngày 06 / 8 /2026 của Hiệu trưởng Trường
Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Cần Thơ)

TT	Mã số sinh viên	Họ và tên	Lớp	Ngày, tháng năm sinh	Giới tính	Thang điểm 10	Xếp loại	GHI CHÚ
I. ĐỦ ĐIỀU KIỆN CẤP CHỨNG CHỈ GDQP VÀ AN NINH (664 SINH VIÊN)								
1	25105004	Trần Văn Chờ	CNOT 1	28/06/2005	Nam	7.4	Giỏi	
2	25105005	Nguyễn Minh Đăng	CNOT 1	03/12/2007	Nam	7.3	Giỏi	
3	25105007	Phạm Phước Điền	CNOT 1	21/12/2007	Nam	6.7	Khá	
4	25105009	Võ Quốc Duy	CNOT 1	27/11/2003	Nam	7.0	Giỏi	
5	25105011	Thái Dư Đông Hồ	CNOT 1	07/06/2007	Nam	7.6	Giỏi	
6	25105013	Nguyễn Minh Hưng	CNOT 1	10/09/2007	Nam	6.9	Khá	
7	25105014	Lương Khánh Hưng	CNOT 1	17/02/2006	Nam	7.0	Giỏi	
8	25105015	Phan Tuấn Huy	CNOT 1	07/05/2004	Nam	7.0	Giỏi	
9	25105016	Nguyễn Kha	CNOT 1	21/12/2007	Nam	6.0	Khá	
10	25105017	Nguyễn Kha	CNOT 1	04/01/2007	Nam	7.3	Giỏi	
11	25105018	Thái Minh Khang	CNOT 1	06/05/2007	Nam	7.0	Giỏi	
12	25105022	Võ Quốc Linh	CNOT 1	02/07/2007	Nam	7.0	Giỏi	
13	25105024	Lê Thành Lợi	CNOT 1	14/10/2007	Nam	6.9	Khá	
14	25105025	Phan Trọng Nghĩa	CNOT 1	21/05/2007	Nam	7.0	Giỏi	
15	25105027	Đỗ Nguyễn Tuấn Ngọc	CNOT 1	14/03/2002	Nam	6.5	Khá	
16	25105028	Phan Lê Lâm Nhật	CNOT 1	29/05/2004	Nam	7.4	Giỏi	
17	25105029	Phan Minh Phái	CNOT 1	03/07/2007	Nam	7.3	Giỏi	
18	25105031	Nguyễn Thiên Phú	CNOT 1	29/04/2006	Nam	6.8	Khá	
19	25105032	Nguyễn Hoàng Phúc	CNOT 1	26/06/2006	Nam	7.2	Giỏi	
20	25105033	Lê Tấn Phúc	CNOT 1	01/01/2006	Nam	6.8	Khá	
21	25105034	Dương Hồng Phước	CNOT 1	25/09/2007	Nam	6.5	Khá	
22	25105035	Nguyễn Minh Thuận	CNOT 1	31/05/2007	Nam	6.3	Khá	
23	25105037	Phạm Xuân Toàn	CNOT 1	07/08/2006	Nam	7.4	Giỏi	
24	25105038	Nguyễn Học Trí	CNOT 1	23/03/2007	Nam	6.4	Khá	
25	25105040	Đỗ Thế Vỹ	CNOT 1	09/03/2007	Nam	7.3	Giỏi	
26	25105285	Nguyễn Phương Đủ	CNOT 1	19/05/2006	Nam	7.5	Giỏi	
27	25105305	Phạm Văn An	CNOT 1	03/04/2007	Nam	7.2	Giỏi	
28	25105306	Trương Hoàng Anh	CNOT 1	22/01/2007	Nam	7.1	Giỏi	
29	25105307	Lê Đức Anh	CNOT 1	24/10/2007	Nam	7.2	Giỏi	
30	25105041	Phạm Phi Bằng	CNOT 2	25/04/2000	Nam	7.6	Giỏi	
31	25105042	Huỳnh Đăng Gia Bảo	CNOT 2	03/12/2004	Nam	7.3	Giỏi	
32	25105044	Nguyễn Quốc Bảo	CNOT 2	22/12/2007	Nam	6.8	Khá	
33	25105045	Đặng Văn Chòn	CNOT 2	07/05/2007	Nam	6.3	Khá	
34	25105046	Phạm Tấn Đạt	CNOT 2	04/02/2007	Nam	6.7	Khá	
35	25105047	Trần Trường Duy	CNOT 2	02/03/2006	Nam	7.4	Giỏi	
36	25105048	Phạm Đức Duy	CNOT 2	09/10/2007	Nam	7.5	Giỏi	
37	25105049	Cao Nhật Hào	CNOT 2	14/03/2007	Nam	7.5	Giỏi	
38	25105050	Lâm Hoàng Hào	CNOT 2	27/07/2005	Nam	6.9	Khá	
39	25105051	Nguyễn Vũ Hiền	CNOT 2	21/06/2007	Nam	6.8	Khá	

TT	Mã số sinh viên	Họ và tên	Lớp	Ngày, tháng năm sinh	Giới tính	Thang điểm 10	Xếp loại	GHI CHÚ
40	25105053	Nguyễn Thế Anh Huy	CNOT 2	12/11/2007	Nam	6.6	Khá	
41	25105056	Nguyễn Gia Huy	CNOT 2	11/10/2006	Nam	7.4	Giỏi	
42	25105057	Nguyễn Triệu Khang	CNOT 2	14/05/2007	Nam	7.0	Giỏi	
43	25105058	Phạm Đăng Khuyển	CNOT 2	27/06/2004	Nam	7.6	Giỏi	
44	25105059	Nguyễn Trung Kiên	CNOT 2	01/06/2007	Nam	5.9	Khá	
45	25105060	Nguyễn Anh Kiệt	CNOT 2	26/08/2007	Nam	6.6	Khá	
46	25105062	Phạm Nhật Nam	CNOT 2	17/07/2007	Nam	6.8	Khá	
47	25105063	Đặng Lương Tâm Nhân	CNOT 2	30/09/2004	Nam	7.3	Giỏi	
48	25105066	Nguyễn Lê Nhựt Phi	CNOT 2	15/06/2007	Nam	6.6	Khá	
49	25105068	Ngô Văn Quân	CNOT 2	09/03/2007	Nam	7.0	Giỏi	
50	25105070	Bùi Thanh Sơn	CNOT 2	19/09/2005	Nam	7.5	Giỏi	
51	25105072	Lư Ngọc Thành	CNOT 2	30/08/2007	Nam	6.8	Khá	
52	25105073	Nguyễn Trường Thịnh	CNOT 2	18/02/2007	Nam	6.0	Khá	
53	25105075	Trần Minh Toàn	CNOT 2	09/04/2007	Nam	6.8	Khá	
54	25105077	Phạm Văn Trường	CNOT 2	26/11/2007	Nam	6.5	Khá	
55	25105078	Võ Trung Vĩ	CNOT 2	17/08/2007	Nam	7.1	Giỏi	
56	25105079	Tô Thành Vinh	CNOT 2	09/12/2007	Nam	6.7	Khá	
57	25105308	Nguyễn Thái Bảo	CNOT 2	21/10/2007	Nam	7.4	Giỏi	
58	25105311	Trần Thanh Đăng	CNOT 2	03/03/2005	Nam	7.4	Giỏi	
59	25105312	Trần Thanh Danh	CNOT 2	01/05/2007	Nam	6.3	Khá	
60	25105313	Huỳnh Tuấn Đạt	CNOT 2	23/02/2006	Nam	6.9	Khá	
61	25101002	Nguyễn Văn Hào	ĐTCN	11/01/2007	Nam	6.9	Khá	
62	25101003	Lê Quốc Hưng	ĐTCN	05/03/2007	Nam	6.9	Khá	
63	25101004	Đỗ Văn Khang	ĐTCN	18/04/2007	Nam	6.5	Khá	
64	25101005	Lê Chí Khiêm	ĐTCN	13/03/2007	Nam	7.3	Giỏi	
65	25101006	Nguyễn Huỳnh Minh Mẫn	ĐTCN	12/01/2007	Nam	7.1	Giỏi	
66	25101007	Phan Thanh Nhân	ĐTCN	14/08/2007	Nam	7.4	Giỏi	
67	25101013	Dương Minh Quang	ĐTCN	24/10/2007	Nam	7.2	Giỏi	
68	25101014	Lê Hữu Trọng	ĐTCN	14/12/2007	Nam	7.6	Giỏi	
69	25102001	Nguyễn Ngọc Hòa Bình	ĐTDD	03/01/2007	Nam	5.9	Khá	
70	25102004	Lê Huỳnh Đức	ĐTDD	24/12/2005	Nam	5.9	Khá	
71	25102005	Võ Nhật Hào	ĐTDD	30/06/2006	Nam	7.6	Giỏi	
72	25102007	Phan Văn Kha	ĐTDD	01/01/2007	Nam	6.8	Khá	
73	25102008	Phan Tuấn Kiệt	ĐTDD	11/02/2004	Nam	7.7	Giỏi	
74	25102009	Lê Phú Lâm	ĐTDD	28/12/2007	Nam	7.1	Giỏi	
75	25102012	Nguyễn Trí Nguyên	ĐTDD	31/10/2007	Nam	6.9	Khá	
76	25102014	Huỳnh Minh Quân	ĐTDD	28/08/2007	Nam	7.6	Giỏi	
77	25102015	Nguyễn Minh Quân	ĐTDD	18/07/2007	Nam	6.1	Khá	
78	25102017	Trần Bảo Thiên	ĐTDD	25/03/2007	Nam	6.5	Khá	
79	25102018	Trần Duy Thịnh	ĐTDD	30/04/2007	Nam	6.1	Khá	
80	25102020	Trương Thành Thuận	ĐTDD	29/04/2004	Nam	7.0	Giỏi	
81	25102021	Võ Hoàng Thương	ĐTDD	01/11/2007	Nam	6.4	Khá	
82	25102023	Hồ Minh Trung	ĐTDD	08/12/2007	Nam	6.3	Khá	
83	25102024	Ngô Lê Nguyên Anh	ĐTDD	13/10/2007	Nam	6.8	Khá	
84	25102025	Trần Tấn Đạt	ĐTDD	16/11/2002	Nam	7.8	Giỏi	
85	25102026	Phạm Khánh Đạt	ĐTDD	11/03/2007	Nam	6.2	Khá	
86	25102028	Nguyễn Tấn Lộc	ĐTDD	16/03/2007	Nam	6.1	Khá	
87	25102030	Chung Phước Thiện	ĐTDD	04/11/2007	Nam	6.4	Khá	
88	25102032	Lê Nguyễn Quyền Huy	ĐTDD	09/03/2007	Nam	6.0	Khá	
89	25102033	Lê Minh Khang	ĐTDD	22/09/2006	Nam	6.9	Khá	

TT	Mã số sinh viên	Họ và tên	Lớp	Ngày, tháng năm sinh	Giới tính	Thang điểm 10	Xếp loại	GHI CHÚ
90	25107003	Nguyễn Hải Đăng	KTXD	08/09/2007	Nam	7.0	Giỏi	
91	25107006	Nguyễn Nhựt Hào	KTXD	17/08/2006	Nam	7.0	Giỏi	
92	25107007	Phạm Quốc Huy	KTXD	15/12/2007	Nam	7.1	Giỏi	
93	25107009	Nguyễn Đình Khôi	KTXD	14/02/2007	Nam	7.0	Giỏi	
94	25107010	Trương Vệ Kiện	KTXD	07/07/2007	Nam	7.6	Giỏi	
95	25107013	Nguyễn Thế Nghĩa	KTXD	28/09/2007	Nam	6.8	Khá	
96	25107014	Trần Lý Nhờ	KTXD	07/05/2005	Nam	7.0	Giỏi	
97	25107015	Phạm Đức Tài	KTXD	03/04/2007	Nam	6.7	Khá	
98	25107016	Khuu Hoài Thanh	KTXD	06/01/2007	Nam	6.9	Khá	
99	25107017	Thạch Ngọc Trọng	KTXD	12/09/2000	Nam	7.7	Giỏi	
100	25107020	Huỳnh Dương Văn Duy	KTXD	28/11/2007	Nam	6.8	Khá	
101	25107021	Nguyễn Văn Kiệt	KTXD	22/11/2005	Nam	6.2	Khá	
102	25107022	Nguyễn Dương Quốc Thái	KTXD	28/08/2007	Nam	6.0	Khá	
103	25107023	Lê Nguyễn Nhựt Duy	KTXD	28/07/2007	Nam	7.6	Giỏi	
104	25120001	Nguyễn Thái Hòa	CNC	18/11/2007	Nam	7.1	Giỏi	
105	25120002	Võ Phước Hưng	CNC	26/09/2007	Nam	6.8	Khá	
106	25120003	Trần Minh Kha	CNC	29/03/2007	Nam	6.8	Khá	
107	25120004	Phạm Thế Nhân	CNC	08/11/2007	Nam	7.0	Giỏi	
108	25120005	Lê Phúc Toàn	CNC	20/03/2007	Nam	7.0	Giỏi	
109	25120011	Trần Duy Bảo	CNC	03/10/2007	Nam	7.4	Giỏi	
110	25120012	Phạm Đình Duy	CNC	22/07/2007	Nam	7.0	Giỏi	
111	25120014	Phạm Đình Hoàng	CNC	09/05/2007	Nam	8.2	Giỏi	
112	25120019	Trần Võ Hoàng Thịnh	CNC	27/10/2007	Nam	6.8	Khá	
113	25120020	Nguyễn Ngọc An	CNC	17/04/2007	Nam	6.8	Khá	
114	23105032	Dương Thành Phú	CNOT 1	07/02/2004	Nam	7.8	Giỏi	
115	25105002	Dương Gia Bảo	CNOT 4	16/01/2007	Nam	6.0	Khá	
116	25105121	Phan Đoàn Tấn An	CNOT 4	07/11/2006	Nam	6.7	Khá	
117	25105123	Phan Lê Hoàng Bảo	CNOT 4	01/09/2007	Nam	7.9	Giỏi	
118	25105125	Huỳnh Tấn Chiêu	CNOT 4	28/12/2007	Nam	6.0	Khá	
119	25105126	Nguyễn Huy Chương	CNOT 4	11/10/2007	Nam	6.7	Khá	
120	25105128	Nguyễn Võ Hải Đăng	CNOT 4	14/03/2006	Nam	6.6	Khá	
121	25105129	Thạch Trường Đạt	CNOT 4	18/01/2006	Nam	7.2	Giỏi	
122	25105130	Nguyễn Văn Đạt	CNOT 4	09/07/2001	Nam	7.4	Giỏi	
123	25105132	Trương Anh Đức	CNOT 4	21/11/2007	Nam	6.7	Khá	
124	25105134	Trần Gia Hào	CNOT 4	22/12/2007	Nam	6.3	Khá	
125	25105137	Hà Khắc Huy	CNOT 4	17/11/2007	Nam	6.3	Khá	
126	25105139	Trần Hoàng Huy	CNOT 4	07/09/2005	Nam	7.7	Giỏi	
127	25105140	Phan Quốc Huy	CNOT 4	16/09/2006	Nam	7.0	Giỏi	
128	25105141	Lâm Minh Khôn	CNOT 4	14/12/2007	Nam	6.8	Khá	
129	25105143	Trần Lê Minh	CNOT 4	23/11/2004	Nam	6.2	Khá	
130	25105146	Nguyễn Ngọc Pha	CNOT 4	17/07/2007	Nam	6.4	Khá	
131	25105147	Nguyễn Tiến Phát	CNOT 4	26/02/2006	Nam	7.0	Giỏi	
132	25105148	Cao Thái Phú	CNOT 4	16/09/2007	Nam	6.3	Khá	
133	25105153	Nguyễn Kim Quang	CNOT 4	19/05/2007	Nam	6.3	Khá	
134	25105155	Đông Kiến Tân	CNOT 4	13/11/2007	Nam	6.9	Khá	
135	25105156	Lê Chí Thành	CNOT 4	20/09/2006	Nam	6.9	Khá	
136	25105159	Nguyễn Khuu Thiên Trần	CNOT 4	15/04/2007	Nam	6.0	Khá	
137	25105160	Nguyễn Tài Tùng	CNOT 4	24/10/2007	Nam	6.8	Khá	
138	25105322	Nguyễn Đức Hùng	CNOT 4	16/04/2007	Nam	7.6	Giỏi	
139	25105323	Trần Thanh Hùng	CNOT 4	13/11/2007	Nam	6.4	Khá	

TT	Mã số sinh viên	Họ và tên	Lớp	Ngày, tháng năm sinh	Giới tính	Thang điểm 10	Xếp loại	GHI CHÚ
140	25105324	Nguyễn Phạm Quốc Huy	CNOT 4	22/02/2007	Nam	7.4	Giỏi	
141	25105325	Nguyễn Lưu Huỳnh	CNOT 4	09/09/2007	Nam	7.5	Giỏi	
142	25105326	Lê Nguyễn Kha	CNOT 4	14/11/2007	Nam	6.7	Khá	
143	25105327	Võ Hoàng Khang	CNOT 4	01/07/2007	Nam	6.8	Khá	
144	25105328	Đặng Nguyễn Nam Khánh	CNOT 4	25/05/2005	Nam	7.8	Giỏi	
145	25105330	Nguyễn Hoàng Khiêm	CNOT 4	14/05/2007	Nam	6.8	Khá	
146	25105372	Nguyễn Quốc Linh	CNOT 4	16/05/2007	Nam	6.6	Khá	
147	25105373	Huỳnh Thanh Phương	CNOT 4	26/11/2007	Nam	6.8	Khá	
148	25105162	Nguyễn Thanh Gia Bảo	CNOT 5	24/06/2006	Nam	7.8	Giỏi	
149	25105163	Nguyễn Trung Chánh	CNOT 5	20/10/2003	Nam	8.1	Giỏi	
150	25105165	Nguyễn Quỳnh Dĩ	CNOT 5	30/09/2007	Nam	7.8	Giỏi	
151	25105167	Phan Văn Hạo	CNOT 5	03/09/2005	Nam	7.7	Giỏi	
152	25105168	Trần Chí Hiếu	CNOT 5	25/05/2007	Nam	7.3	Giỏi	
153	25105169	Võ Huy Hoàng	CNOT 5	16/12/2003	Nam	7.7	Giỏi	
154	25105171	Nguyễn Duy Kha	CNOT 5	19/09/2007	Nam	7.6	Giỏi	
155	25105172	Phan Duy Khan	CNOT 5	14/06/2006	Nam	7.3	Giỏi	
156	25105175	Nguyễn Tuấn Kiệt	CNOT 5	21/10/2007	Nam	6.3	Khá	
157	25105177	Nguyễn Huỳnh Lâm	CNOT 5	04/04/2007	Nam	6.8	Khá	
158	25105178	Lưu Kim Ngọc Luân	CNOT 5	22/09/2007	Nam	7.3	Giỏi	
159	25105180	Đỗ Nhật Nam	CNOT 5	07/06/2007	Nam	6.6	Khá	
160	25105182	Nguyễn Tiến Phát	CNOT 5	11/08/2007	Nam	6.7	Khá	
161	25105183	Bùi Hoàng Phú	CNOT 5	11/12/2002	Nam	5.4	Trung bình	
162	25105185	Tô Ngọc Quý	CNOT 5	17/01/2007	Nam	7.3	Giỏi	
163	25105186	Trần Khánh Quốc	CNOT 5	03/07/2007	Nam	7.2	Giỏi	
164	25105187	Nguyễn Thái Tiên Sĩ	CNOT 5	24/08/2007	Nam	7.3	Giỏi	
165	25105188	Lạc Thành Tài	CNOT 5	07/09/2007	Nam	6.9	Khá	
166	25105189	Danh Chí Tâm	CNOT 5	01/05/2006	Nam	6.7	Khá	
167	25105190	Phan Phước Tấn	CNOT 5	03/03/2007	Nam	6.3	Khá	
168	25105191	Chau Thịnh	CNOT 5	30/07/2007	Nam	7.4	Giỏi	
169	25105193	Trần Thái Thuận	CNOT 5	26/08/2004	Nam	7.6	Giỏi	
170	25105194	Nguyễn Hữu Tiên	CNOT 5	29/05/2007	Nam	6.8	Khá	
171	25105195	Nguyễn Đình Tiên	CNOT 5	20/10/2007	Nam	7.7	Giỏi	
172	25105196	Son Thành Tín	CNOT 5	28/10/2007	Nam	7.7	Giỏi	
173	25105197	Huỳnh Trung Tín	CNOT 5	21/09/2007	Nam	7.3	Giỏi	
174	25105199	Nguyễn Khánh Vinh	CNOT 5	28/04/2007	Nam	6.8	Khá	
175	25105231	Hứa Huy Toàn	CNOT 5	18/04/2007	Nam	6.2	Khá	
176	25105331	Trần Minh Khoa	CNOT 5	05/02/2007	Nam	7.8	Giỏi	
177	25105334	Hồ Hoàng Kiêm	CNOT 5	12/09/2007	Nam	5.8	Khá	
178	25105370	Cao Nguyễn Hoàng Phúc	CNOT 5	31/05/2006	Nam	6.6	Khá	
179	25105377	Lưu Vĩnh Tâm	CNOT 5	23/11/2007	Nam	7.8	Giỏi	
180	25105380	Đinh Anh Khoa	CNOT 5	17/12/2007	Nam	6.0	Khá	
181	25105198	Đặng Thành Trí	CNOT 6	28/12/2007	Nam	7.5	Giỏi	
182	25105201	Lê Hùng Anh	CNOT 6	04/11/2001	Nam	7.6	Giỏi	
183	25105203	Nguyễn Duy Bảo	CNOT 6	06/10/2007	Nam	7.0	Giỏi	
184	25105204	Đỗ Anh Chi	CNOT 6	15/05/2007	Nam	6.9	Khá	
185	25105205	Châu Minh Đạt	CNOT 6	06/06/2007	Nam	6.6	Khá	
186	25105208	Trần Vũ Hải	CNOT 6	16/02/2006	Nam	6.6	Khá	
187	25105209	Nguyễn Trường Hải	CNOT 6	12/05/2007	Nam	6.8	Khá	
188	25105210	Trương Hạo	CNOT 6	27/12/2006	Nam	6.7	Khá	
189	25105212	Đặng Gia Huy	CNOT 6	08/08/2007	Nam	7.2	Giỏi	

TT	Mã số sinh viên	Họ và tên	Lớp	Ngày, tháng năm sinh	Giới tính	Thang điểm 10	Xếp loại	GHI CHÚ
190	25105214	Trịnh Tấn Huynh	CNOT 6	03/09/2007	Nam	7.2	Giỏi	
191	25105215	Huỳnh Lê Nhật Kha	CNOT 6	15/03/2007	Nam	6.2	Khá	
192	25105216	Nguyễn Duy Khang	CNOT 6	15/09/2007	Nam	7.1	Giỏi	
193	25105218	Trần Hoàng Kiệt	CNOT 6	24/08/2003	Nam	5.9	Khá	
194	25105220	Lý Quốc Lộc	CNOT 6	20/06/2006	Nam	8.0	Giỏi	
195	25105221	Trần Lộc	CNOT 6	15/09/2006	Nam	7.6	Giỏi	
196	25105222	Lê Minh Luân	CNOT 6	06/07/2003	Nam	6.9	Khá	
197	25105225	Trần Hoàng Nhất	CNOT 6	24/09/2007	Nam	7.4	Giỏi	
198	25105227	Huỳnh Tuấn Phát	CNOT 6	01/01/2007	Nam	7.1	Giỏi	
199	25105228	Nguyễn Lê Thế Phong	CNOT 6	25/12/2006	Nam	7.8	Giỏi	
200	25105229	Bùi Văn Thuận	CNOT 6	24/11/2007	Nam	7.7	Giỏi	
201	25105230	Nguyễn Trí Thức	CNOT 6	10/12/2006	Nam	7.0	Giỏi	
202	25105232	Trần Phan Khánh Toàn	CNOT 6	06/06/2007	Nam	7.0	Giỏi	
203	25105233	Nguyễn Quốc Trí	CNOT 6	06/04/2007	Nam	6.6	Khá	
204	25105234	Nguyễn Thiện Trí	CNOT 6	13/09/2007	Nam	6.9	Khá	
205	25105235	Thái Hoàng Minh Trí	CNOT 6	30/08/2002	Nam	7.6	Giỏi	
206	25105236	Đỗ Minh Trí	CNOT 6	09/09/2006	Nam	7.3	Giỏi	
207	25105237	Dương Quốc Vĩ	CNOT 6	01/04/2007	Nam	7.3	Giỏi	
208	25105239	Trần Khánh Vy	CNOT 6	23/10/2007	Nam	6.9	Khá	
209	25105240	Khuu Vĩnh Xuân	CNOT 6	26/10/1999	Nam	7.5	Giỏi	
210	25105336	Võ Phúc Lộc	CNOT 6	05/04/2007	Nam	7.2	Giỏi	
211	25105337	Nguyễn Gia Lương	CNOT 6	15/07/2006	Nam	7.0	Giỏi	
212	25105338	Ngô Lâm Nhật Minh	CNOT 6	17/10/2007	Nam	8.0	Giỏi	
213	25105371	Nguyễn Trọng Phúc	CNOT 6	06/11/2007	Nam	7.0	Giỏi	
214	25105376	Lưu Nhật Tường	CNOT 6	16/02/2002	Nam	7.8	Giỏi	
215	25121001	Lê Tấn Đạt	KTLD&ĐKCN	13/02/2007	Nam	7.5	Giỏi	
216	25121002	Nguyễn Huỳnh Đức	KTLD&ĐKCN	17/11/2006	Nam	5.1	Trung bình	
217	25121003	Phan Hoàng Đức	KTLD&ĐKCN	17/12/2007	Nam	6.0	Khá	
218	25121004	Nguyễn Minh Huy	KTLD&ĐKCN	22/01/2007	Nam	6.8	Khá	
219	25121006	Nguyễn Hoàng Hôn	KTLD&ĐKCN	24/09/2007	Nam	7.9	Giỏi	
220	25121007	Danh Cẩm Trường	KTLD&ĐKCN	27/02/2007	Nam	8.0	Giỏi	
221	25121008	Thái Vũ Minh Trí	KTLD&ĐKCN	15/09/2007	Nam	8.0	Giỏi	
222	25121009	Trần Minh Chiến	KTLD&ĐKCN	05/03/2007	Nam	6.8	Khá	
223	25119001	Nguyễn Hải Ân	CNKTCK 1	04/12/2007	Nam	8.1	Giỏi	
224	25119002	Ngô Gia Bảo	CNKTCK 1	19/02/2007	Nam	7.2	Giỏi	
225	25119003	Nguyễn Thành Công	CNKTCK 1	07/04/2007	Nam	7.5	Giỏi	
226	25119004	Nguyễn Ngô Thành Đạt	CNKTCK 1	02/03/2007	Nam	7.0	Giỏi	
227	25119006	Phan Đức Dự	CNKTCK 1	28/12/2006	Nam	7.3	Giỏi	
228	25119007	Nguyễn Khánh Duy	CNKTCK 1	08/08/2006	Nam	7.6	Giỏi	
229	25119008	Nguyễn Đức Duy	CNKTCK 1	23/04/2007	Nam	7.9	Giỏi	
230	25119010	Nguyễn Nhựt Duy	CNKTCK 1	11/12/2007	Nam	6.8	Khá	
231	25119011	Võ Trường Giang	CNKTCK 1	11/04/2007	Nam	7.4	Giỏi	
232	25119012	Nguyễn Duy Hiệu	CNKTCK 1	10/06/2007	Nam	6.4	Khá	
233	25119013	Phạm Quốc Hùng	CNKTCK 1	23/05/2007	Nam	6.7	Khá	
234	25119014	Nguyễn Quốc Huy	CNKTCK 1	03/01/2007	Nam	6.6	Khá	
235	25119015	Nguyễn Khánh Huy	CNKTCK 1	26/10/2007	Nam	7.8	Giỏi	
236	25119017	Quách Hoàng Huy	CNKTCK 1	04/07/2007	Nam	7.8	Giỏi	
237	25119019	Đào Hoàng Duy Khánh	CNKTCK 1	11/10/2007	Nam	7.0	Giỏi	
238	25119020	Lê Đoàn Gia Khiêm	CNKTCK 1	22/03/2007	Nam	7.6	Giỏi	
239	25119021	Nguyễn Minh Khoa	CNKTCK 1	01/04/2007	Nam	7.6	Giỏi	

TT	Mã số sinh viên	Họ và tên	Lớp	Ngày, tháng năm sinh	Giới tính	Thang điểm 10	Xếp loại	GHI CHÚ
240	25119022	Nguyễn Ngọc Trung Kiên	CNKTCK 1	12/06/2007	Nam	7.1	Giỏi	
241	25119025	Trần Văn Kiệt	CNKTCK 1	15/04/2007	Nam	7.6	Giỏi	
242	25119028	Nguyễn Gia Luân	CNKTCK 1	13/03/2007	Nam	6.6	Khá	
243	25119029	Nguyễn Thế Mạnh	CNKTCK 1	28/10/2004	Nam	7.4	Giỏi	
244	25119030	Lý Chí Nguyễn	CNKTCK 1	13/11/2007	Nam	7.4	Giỏi	
245	25119054	Đặng Hồng Quân	CNKTCK 1	08/03/2006	Nam	6.7	Khá	
246	25119057	Nguyễn Minh Triều	CNKTCK 1	20/06/2007	Nam	6.4	Khá	
247	25119058	Nguyễn Quang Vĩ	CNKTCK 1	10/06/2006	Nam	7.6	Giỏi	
248	25119060	Huỳnh Gia Vỹ	CNKTCK 1	10/12/2007	Nam	6.7	Khá	
249	25119031	Huỳnh Thanh Nhật	CNKTCK 2	31/08/2007	Nam	8.0	Giỏi	
250	25119032	Huỳnh Tấn Phát	CNKTCK 2	13/10/2007	Nam	7.3	Giỏi	
251	25119033	Nguyễn Tấn Phương	CNKTCK 2	26/09/2007	Nam	7.3	Giỏi	
252	25119034	Nguyễn Thành Phương	CNKTCK 2	04/03/2006	Nam	7.4	Giỏi	
253	25119035	Nguyễn Vũ Quảng	CNKTCK 2	17/10/2004	Nam	8.1	Giỏi	
254	25119036	Phan Công Quy	CNKTCK 2	26/12/2007	Nam	7.4	Giỏi	
255	25119038	Hồ Tấn Tài	CNKTCK 2	28/09/2007	Nam	7.7	Giỏi	
256	25119040	Phan Chí Tâm	CNKTCK 2	13/06/2007	Nam	7.2	Giỏi	
257	25119041	Đào Lâm Thành Tân	CNKTCK 2	08/11/2007	Nam	7.3	Giỏi	
258	25119044	Triệu Thái Thịnh	CNKTCK 2	23/09/2007	Nam	6.4	Khá	
259	25119045	Trịnh Hồ Trí Tiên	CNKTCK 2	06/12/2007	Nam	7.4	Giỏi	
260	25119046	Phạm Quốc Tính	CNKTCK 2	20/12/2006	Nam	6.4	Khá	
261	25119047	Công Nhật Toàn	CNKTCK 2	06/01/2007	Nam	7.4	Giỏi	
262	25119048	Lê Phước Toàn	CNKTCK 2	06/09/2007	Nam	6.9	Khá	
263	25119049	Dương Hiền Toàn	CNKTCK 2	28/02/2007	Nam	6.4	Khá	
264	25119051	Đặng Quốc Vinh	CNKTCK 2	28/06/2007	Nam	6.4	Khá	
265	25119052	Châu Thế Vinh	CNKTCK 2	09/03/2006	Nam	6.8	Khá	
266	25119061	Trần Hoàng Kiên	CNKTCK 2	24/08/2003	Nam	6.3	Khá	
267	25119062	Nguyễn Xuân Lộc	CNKTCK 2	18/12/2007	Nam	8.2	Giỏi	
268	25119063	Đào Sách Thọ	CNKTCK 2	02/12/2003	Nam	8.2	Giỏi	
269	25119064	Lê Nguyễn Hoàng Đức	CNKTCK 2	22/02/2007	Nam	6.4	Khá	
270	25119066	Tôn Long Dế	CNKTCK 2	18/03/2007	Nam	7.2	Giỏi	
271	25119069	Dương Thanh Sứ	CNKTCK 2	12/02/2007	Nam	7.0	Giỏi	
272	25105138	Trần Hoàng Huy	CNOT 7	02/12/2007	Nam	7.1	Giỏi	
273	25105242	Hồ Lê Đức Anh	CNOT 7	22/09/2006	Nam	6.6	Khá	
274	25105244	Nguyễn Hải Đăng	CNOT 7	21/11/2007	Nam	7.0	Giỏi	
275	25105245	Nguyễn Chí Dũng	CNOT 7	02/11/2007	Nam	7.2	Giỏi	
276	25105247	Võ Anh Duy	CNOT 7	27/08/2007	Nam	6.9	Khá	
277	25105248	Trần Ngọc Hà	CNOT 7	20/02/2007	Nam	6.2	Khá	
278	25105249	Dương Việt Hào	CNOT 7	09/08/2006	Nam	6.5	Khá	
279	25105250	Trần Thế Hiền	CNOT 7	03/01/2007	Nam	7.1	Giỏi	
280	25105253	Lê Quốc Huy	CNOT 7	19/01/2004	Nam	8.2	Giỏi	
281	25105254	Trần Thanh Huy	CNOT 7	13/04/2007	Nam	7.8	Giỏi	
282	25105256	Nguyễn Minh Khoa	CNOT 7	01/10/2007	Nam	6.5	Khá	
283	25105258	Nguyễn Tuấn Kiệt	CNOT 7	14/05/2007	Nam	6.4	Khá	
284	25105259	Nguyễn Việt Linh	CNOT 7	24/01/2007	Nam	7.7	Giỏi	
285	25105260	Lâm Huỳnh Phúc Lộc	CNOT 7	27/12/2007	Nam	6.0	Khá	
286	25105262	Nguyễn Hồ Minh Mẫn	CNOT 7	07/03/2007	Nam	7.1	Giỏi	
287	25105263	Nguyễn Ngân	CNOT 7	06/01/2007	Nam	7.8	Giỏi	
288	25105265	Dương Tấn Phát	CNOT 7	02/08/2007	Nam	6.6	Khá	
289	25105267	Nguyễn Hoàng Phúc	CNOT 7	11/06/2007	Nam	6.9	Khá	

TT	Mã số sinh viên	Họ và tên	Lớp	Ngày, tháng năm sinh	Giới tính	Thang điểm 10	Xếp loại	GHI CHÚ
290	25105271	Nguyễn Xuân Sanh	CNOT 7	27/12/2003	Nam	6.2	Khá	
291	25105274	Nguyễn Quốc Thịnh	CNOT 7	05/12/2007	Nam	6.9	Khá	
292	25105279	Đào Thanh Trường	CNOT 7	01/01/2006	Nam	7.0	Giỏi	
293	25105280	Trương Nguyễn Hùng Vĩ	CNOT 7	14/12/2007	Nam	6.2	Khá	
294	25105340	Bùi Sĩ Nguyên	CNOT 7	03/08/2003	Nam	7.7	Giỏi	
295	25105341	Huỳnh Ngọc Nhân	CNOT 7	28/05/2007	Nam	6.5	Khá	
296	25105170	Trần Lê Nguyên Chương	CNOT 8	19/12/2005	Nam	7.4	Giỏi	
297	25105281	Nguyễn Khả Ái	CNOT 8	27/10/2007	Nam	8.4	Giỏi	
298	25105282	Cao Minh Cấn	CNOT 8	18/02/2007	Nam	7.9	Giỏi	
299	25105283	Võ Văn Hy Đàm	CNOT 8	12/07/2007	Nam	7.5	Giỏi	
300	25105284	Nguyễn Thành Đô	CNOT 8	20/12/2007	Nam	7.5	Giỏi	
301	25105286	Dương Quang Duy	CNOT 8	24/10/2007	Nam	7.1	Giỏi	
302	25105287	Lê Chí Hiều	CNOT 8	26/11/2007	Nam	6.5	Khá	
303	25105290	Nguyễn Nhứt Huy	CNOT 8	18/08/2007	Nam	7.1	Giỏi	
304	25105291	Nguyễn Thanh Huy	CNOT 8	10/01/2007	Nam	7.5	Giỏi	
305	25105292	Phan Đăng Khoa	CNOT 8	06/12/2007	Nam	7.4	Giỏi	
306	25105293	Lý Vinh Khoa	CNOT 8	11/01/2007	Nam	8.6	Xuất sắc	
307	25105295	Trần Quốc Linh	CNOT 8	04/03/2007	Nam	8.3	Giỏi	
308	25105296	Nguyễn Nhứt Linh	CNOT 8	12/06/2007	Nam	8.2	Giỏi	
309	25105297	Nguyễn Đức Nghĩa	CNOT 8	08/10/2000	Nam	8.3	Giỏi	
310	25105298	Nguyễn Quốc Phú	CNOT 8	24/03/2006	Nam	7.4	Giỏi	
311	25105299	Nguyễn Thành Phú	CNOT 8	25/10/2007	Nam	6.1	Khá	
312	25105301	Nguyễn Tấn Sang	CNOT 8	24/01/2007	Nam	7.1	Giỏi	
313	25105302	Phùng Chí Thành	CNOT 8	24/04/2007	Nam	6.4	Khá	
314	25105346	Trần Vĩnh Phú	CNOT 8	09/03/2007	Nam	6.8	Khá	
315	25105347	Lê Trọng Phú	CNOT 8	23/10/2007	Nam	6.8	Khá	
316	25105348	Nguyễn Thanh Phúc	CNOT 8	24/08/2007	Nam	8.4	Giỏi	
317	25105349	Nguyễn Hoàng Phúc	CNOT 8	07/06/2007	Nam	5.8	Khá	
318	25105351	Lê Công Quang	CNOT 8	02/03/2007	Nam	7.4	Giỏi	
319	25105352	Nguyễn Phú Quý	CNOT 8	05/09/2007	Nam	7.3	Giỏi	
320	25105353	Tô Ngọc Quy	CNOT 8	31/01/2007	Nam	8.4	Giỏi	
321	25105355	Nguyễn Chí Thông	CNOT 8	22/01/2007	Nam	7.7	Giỏi	
322	25105359	Huỳnh Thanh Xuân	CNOT 8	25/03/2001	Nam	8.0	Giỏi	
323	25105360	Trương Nguyễn Quốc Đạt	CNOT 8	14/01/2006	Nam	7.4	Giỏi	
324	25105362	Nguyễn Quốc Huy	CNOT 8	24/11/2005	Nam	6.5	Khá	
325	25105363	Nguyễn Minh Dương	CNOT 8	07/03/2006	Nam	7.4	Giỏi	
326	25105364	Trần Minh Phát	CNOT 8	10/09/2007	Nam	7.1	Giỏi	
327	25105366	Liêu Minh Tú	CNOT 8	14/07/2007	Nam	7.6	Giỏi	
328	25105367	Huỳnh Nguyễn Phát	CNOT 8	20/01/2006	Nam	7.4	Giỏi	
329	25105378	Châu Phương Nam	CNOT 8	22/07/2007	Nam	7.7	Giỏi	
330	25103001	Phạm Huỳnh Chí Bảo	ĐCN 1	09/08/2007	Nam	7.5	Giỏi	
331	25103002	Trần Chí Bửu	ĐCN 1	20/04/2007	Nam	7.7	Giỏi	
332	25103003	Dương Hải Đăng	ĐCN 1	09/09/2007	Nam	6.8	Khá	
333	25103004	Lưu Phát Đạt	ĐCN 1	01/01/2007	Nam	7.0	Giỏi	
334	25103005	Huỳnh Thanh Đạt	ĐCN 1	21/12/2007	Nam	6.7	Khá	
335	25103006	Thạch Quang Diễm	ĐCN 1	09/07/2004	Nam	6.2	Khá	
336	25103007	Phạm Thế Dương	ĐCN 1	20/10/2007	Nam	8.1	Giỏi	
337	25103008	Lê Văn Duy	ĐCN 1	13/08/2007	Nam	8.7	Xuất sắc	
338	25103009	Nguyễn Minh Duy	ĐCN 1	20/10/2007	Nam	6.7	Khá	
339	25103012	Lại Phan Gia Huy	ĐCN 1	23/12/2007	Nam	7.9	Giỏi	

TT	Mã số sinh viên	Họ và tên	Lớp	Ngày, tháng năm sinh	Giới tính	Thang điểm 10	Xếp loại	GHI CHÚ
340	25103013	Lê Nhựt Huy	ĐCN 1	22/01/2007	Nam	7.9	Giỏi	
341	25103014	Đinh Quang Khang	ĐCN 1	19/12/2006	Nam	7.4	Giỏi	
342	25103015	Nguyễn Trần Đăng Khoa	ĐCN 1	20/10/2007	Nam	6.9	Khá	
343	25103017	Đỗ Đăng Khoa	ĐCN 1	26/04/2006	Nam	6.3	Khá	
344	25103018	Trần Trung Kiên	ĐCN 1	13/03/2007	Nam	8.2	Giỏi	
345	25103019	Lê Anh Kiệt	ĐCN 1	09/01/2007	Nam	6.2	Khá	
346	25103021	Trần Gia Lạc	ĐCN 1	24/04/2007	Nam	6.9	Khá	
347	25103022	Vô Thành Lộc	ĐCN 1	03/02/2006	Nam	5.5	Khá	
348	25103023	Đặng Đỗ Tấn Lợi	ĐCN 1	12/01/2007	Nam	8.1	Giỏi	
349	25103024	Huỳnh Sỹ Luân	ĐCN 1	19/09/2007	Nam	7.0	Giỏi	
350	25103025	Lê Văn Luận	ĐCN 1	10/12/2007	Nam	7.3	Giỏi	
351	25103026	Trần Anh Nguyên	ĐCN 1	08/08/2007	Nam	7.7	Giỏi	
352	25103027	Nguyễn Tấn Nguyên	ĐCN 1	03/06/2007	Nam	6.8	Khá	
353	25103028	Vô Minh Nhựt	ĐCN 1	16/02/2007	Nam	7.8	Giỏi	
354	25103029	Nguyễn Duy Phúc	ĐCN 1	30/09/2007	Nam	7.0	Giỏi	
355	25103030	Trịnh Hoàng Sang	ĐCN 1	24/03/2007	Nam	6.8	Khá	
356	25103031	Huỳnh Tấn Tài	ĐCN 1	29/08/2007	Nam	7.0	Giỏi	
357	25103032	Vô Minh Tân	ĐCN 1	30/09/2007	Nam	6.8	Khá	
358	25103035	Nguyễn Trung Thịnh	ĐCN 1	05/02/2006	Nam	7.1	Giỏi	
359	25103036	Đỗ Quốc Thịnh	ĐCN 1	20/02/2007	Nam	7.3	Giỏi	
360	25103037	Trần Minh Thuận	ĐCN 1	10/08/2007	Nam	7.7	Giỏi	
361	25103041	Bùi Nguyên Trang	ĐCN 1	15/08/2003	Nam	9.1	Xuất sắc	
362	25103042	Lê Minh Trí	ĐCN 1	24/09/2007	Nam	7.1	Giỏi	
363	25103127	Nguyễn Tấn Bảo	ĐCN 1	22/07/2007	Nam	7.4	Giỏi	
364	25103128	Nguyễn Trung Hưng	ĐCN 1	14/10/2007	Nam	7.6	Giỏi	
365	25103129	Huỳnh Văn Phát	ĐCN 1	13/12/2007	Nam	6.3	Khá	
366	25103152	Phạm Tấn Cường	ĐCN 1	22/07/2007	Nam	6.8	Khá	
367	25103153	Phạm Thanh Phong	ĐCN 1	19/12/2007	Nam	5.9	Khá	
368	25103160	Nguyễn Thiện Trí	ĐCN 1	14/11/2006	Nam	7.8	Giỏi	
369	25103166	Lê Quốc Thắng	ĐCN 1	04/01/2006	Nam	7.2	Giỏi	
370	25103167	Võ Nhựt Huy	ĐCN 1	02/02/2007	Nam	7.3	Giỏi	
371	25103044	Trần Thanh Ân	ĐCN 2	26/02/2006	Nam	7.2	Giỏi	
372	25103045	Lê Chí Bảo	ĐCN 2	11/06/2006	Nam	6.9	Khá	
373	25103046	Nguyễn Ru Bi	ĐCN 2	08/12/2007	Nam	8.5	Xuất sắc	
374	25103047	Phạm Tấn Đạt	ĐCN 2	18/12/2007	Nam	7.1	Giỏi	
375	25103049	Nguyễn Trường Giang	ĐCN 2	09/09/2003	Nam	6.3	Khá	
376	25103050	Nguyễn Văn Giàu	ĐCN 2	10/12/2007	Nam	7.3	Giỏi	
377	25103051	Nguyễn Hoàng Hải	ĐCN 2	15/04/2007	Nam	8.0	Giỏi	
378	25103052	Phan Nhựt Khang	ĐCN 2	05/07/2007	Nam	6.7	Khá	
379	25103054	Trần Khang	ĐCN 2	18/10/2006	Nam	6.3	Khá	
380	25103057	Huỳnh Tấn Lộc	ĐCN 2	14/04/2007	Nam	7.0	Giỏi	
381	25103058	Đoàn Minh Lôi	ĐCN 2	07/07/2004	Nam	7.8	Giỏi	
382	25103059	Thái Gia Minh	ĐCN 2	01/06/2007	Nam	6.1	Khá	
383	25103060	Mai Hoàng Nam	ĐCN 2	31/03/2007	Nam	6.1	Khá	
384	25103061	Đoàn Hoài Nam	ĐCN 2	05/05/2004	Nam	8.1	Giỏi	
385	25103063	Huỳnh Trung Nghĩa	ĐCN 2	04/08/2004	Nam	7.6	Giỏi	
386	25103065	Phạm Hoàng Nhân	ĐCN 2	30/04/2007	Nam	6.5	Khá	
387	25103067	Lê Hoàng Phúc	ĐCN 2	18/12/2007	Nam	7.5	Giỏi	
388	25103069	Tăng Hữu Phúc	ĐCN 2	17/04/2005	Nam	7.1	Giỏi	
389	25103070	Nguyễn Trọng Phúc	ĐCN 2	18/07/2006	Nam	7.5	Giỏi	

TT	Mã số sinh viên	Họ và tên	Lớp	Ngày, tháng năm sinh	Giới tính	Thang điểm 10	Xếp loại	GHI CHÚ
390	25103071	Đặng Hoàng Phụng	ĐCN 2	07/11/2007	Nam	7.6	Giỏi	
391	25103073	Nguyễn Lê Minh Quân	ĐCN 2	16/09/2007	Nam	7.5	Giỏi	
392	25103074	Hồng Chí Tâm	ĐCN 2	19/11/2006	Nam	7.3	Giỏi	
393	25103075	Thạch Duy Tân	ĐCN 2	15/05/2007	Nam	7.8	Giỏi	
394	25103077	Nguyễn Chí Thanh	ĐCN 2	15/05/1998	Nam	8.1	Giỏi	
395	25103078	Nguyễn Duy Thanh	ĐCN 2	10/02/2007	Nam	7.6	Giỏi	
396	25103130	Trần Vĩnh Khoa	ĐCN 2	12/02/2007	Nam	7.2	Giỏi	
397	25103131	Nguyễn Hùng Thịnh	ĐCN 2	26/05/2007	Nam	7.6	Giỏi	
398	25103132	Nguyễn Trần Nhật Tân	ĐCN 2	27/09/2007	Nam	7.5	Giỏi	
399	25103133	Nguyễn Thành Huy	ĐCN 2	13/08/2007	Nam	6.3	Khá	
400	25103136	Nguyễn Minh Khánh	ĐCN 2	25/11/2007	Nam	7.5	Giỏi	
401	25103137	Nguyễn Minh Tâm	ĐCN 2	24/09/2007	Nam	6.8	Khá	
402	25103141	Phan Huỳnh Hữu Trí	ĐCN 2	04/09/2007	Nam	7.8	Giỏi	
403	25103142	Nguyễn Chí Tâm	ĐCN 2	23/09/2007	Nam	7.1	Giỏi	
404	25103143	Tô Đức Hòa	ĐCN 2	06/05/2005	Nam	7.3	Giỏi	
405	25103151	Trần Hoàng Phúc	ĐCN 2	07/06/2007	Nam	7.2	Giỏi	
406	25103154	Nguyễn Duy Đăng Khoa	ĐCN 2	13/04/2007	Nam	6.9	Khá	
407	25103155	Nguyễn Mạnh Tân	ĐCN 2	15/03/2007	Nam	7.1	Giỏi	
408	25103161	Trần Đình Khôi	ĐCN 2	10/12/2007	Nam	7.0	Giỏi	
409	25103164	Nguyễn Hữu Nghĩa	ĐCN 2	12/03/2006	Nam	7.2	Giỏi	
410	25103086	Nguyễn Hoài Ân	ĐCN 3	25/08/2007	Nam	9.1	Xuất sắc	
411	25103087	Trần Đăng Dân	ĐCN 3	22/05/2007	Nam	8.8	Xuất sắc	
412	25103088	Lê Ngọc Hải Đăng	ĐCN 3	15/12/2007	Nam	8.3	Giỏi	
413	25103089	Phạm Quang Đạt	ĐCN 3	19/12/2007	Nam	8.4	Giỏi	
414	25103090	Trần Văn Thanh Đạt	ĐCN 3	06/07/2007	Nam	8.4	Giỏi	
415	25103091	Phạm Quốc Duy	ĐCN 3	16/11/2007	Nam	8.7	Xuất sắc	
416	25103092	Đỗ Thái Hoàng Duy	ĐCN 3	02/02/2004	Nam	8.7	Xuất sắc	
417	25103093	Nguyễn Lâm Giàu	ĐCN 3	24/04/2005	Nam	7.4	Giỏi	
418	25103095	Nguyễn Huỳnh Gia Huy	ĐCN 3	25/05/2007	Nam	8.5	Xuất sắc	
419	25103096	Huỳnh Hiếu Huy	ĐCN 3	10/09/2005	Nam	7.3	Giỏi	
420	25103098	Trần Duy Khanh	ĐCN 3	14/06/2007	Nam	8.1	Giỏi	
421	25103099	Nguyễn Đăng Khoa	ĐCN 3	23/11/2007	Nam	8.0	Giỏi	
422	25103102	Nguyễn Phước Lâm	ĐCN 3	30/01/2007	Nam	7.7	Giỏi	
423	25103103	Nguyễn Hoàng Nam	ĐCN 3	11/05/2006	Nam	7.8	Giỏi	
424	25103104	Trần Nguyễn Trường Ngân	ĐCN 3	25/08/2007	Nam	9.8	Xuất sắc	
425	25103105	Trần Ngọc Hữu Nghĩa	ĐCN 3	18/05/2007	Nam	8.1	Giỏi	
426	25103108	Nguyễn Tấn Phát	ĐCN 3	15/02/2007	Nam	8.4	Giỏi	
427	25103109	Bùi Phú Quý	ĐCN 3	04/01/2007	Nam	7.8	Giỏi	
428	25103110	Hoàng Nguyễn Quỳnh	ĐCN 3	26/01/2007	Nam	8.0	Giỏi	
429	25103111	Nguyễn Tấn Tài	ĐCN 3	25/10/2007	Nam	7.2	Giỏi	
430	25103112	Nguyễn Hoàng Tấn	ĐCN 3	27/03/2007	Nam	8.3	Giỏi	
431	25103116	Lê Hoàng Thế	ĐCN 3	25/11/2007	Nam	9.5	Xuất sắc	
432	25103117	Trần Chí Thiện	ĐCN 3	02/12/2007	Nam	7.4	Giỏi	
433	25103118	Lê Văn Thịnh	ĐCN 3	28/04/2003	Nam	7.9	Giỏi	
434	25103120	Tô Trí Thức	ĐCN 3	29/07/2007	Nam	7.5	Giỏi	
435	25103122	Nguyễn Trung Tính	ĐCN 3	15/05/2007	Nam	7.9	Giỏi	
436	25103123	Nguyễn Trương Thái Toàn	ĐCN 3	15/09/2007	Nam	7.0	Giỏi	
437	25103124	Nguyễn Thành Trung	ĐCN 3	10/09/2006	Nam	7.5	Giỏi	
438	25103125	Trịnh Lê Cát Tường	ĐCN 3	23/01/2007	Nam	8.5	Xuất sắc	
439	25103126	Trần Tiến Vinh	ĐCN 3	17/01/2007	Nam	8.7	Xuất sắc	

TT	Mã số sinh viên	Họ và tên	Lớp	Ngày, tháng năm sinh	Giới tính	Thang điểm 10	Xếp loại	GHI CHÚ
440	25103146	Lê Nguyễn Gia Bảo	ĐCN 3	26/07/2007	Nam	8.4	Giỏi	
441	25103148	Phạm Quang Tĩnh	ĐCN 3	24/08/2007	Nam	8.2	Giỏi	
442	25103149	Nguyễn Minh Triết	ĐCN 3	02/01/2007	Nam	8.8	Xuất sắc	
443	25103156	Nguyễn Thành Đạt	ĐCN 3	10/09/2007	Nam	7.0	Giỏi	
444	25103157	Dương Tấn Anh Kiệt	ĐCN 3	14/09/2006	Nam	8.4	Giỏi	
445	25103158	Huỳnh Tấn Phát	ĐCN 3	20/01/2007	Nam	8.8	Xuất sắc	
446	25103159	Trần Thanh Quý	ĐCN 3	23/11/2007	Nam	8.8	Xuất sắc	
447	25103162	Lê Công Vinh	ĐCN 3	16/12/2007	Nam	7.6	Giỏi	
448	25110001	Nguyễn Minh Châu	KTML 1	30/06/1995	Nam	8.0	Giỏi	
449	25110002	Nguyễn Thành Đạt	KTML 1	19/10/2007	Nam	7.6	Giỏi	
450	25110003	Nguyễn Khánh Duy	KTML 1	08/08/2006	Nam	6.9	Khá	
451	25110004	Lê Nhật Huy	KTML 1	29/11/2007	Nam	7.1	Giỏi	
452	25110005	Nguyễn Tấn Huy	KTML 1	12/11/2007	Nam	7.1	Giỏi	
453	25110006	Lê Thanh Huy	KTML 1	13/12/2007	Nam	6.7	Khá	
454	25110008	Cao Thế Khang	KTML 1	06/08/2003	Nam	7.4	Giỏi	
455	25110009	Phạm Đăng Khôi	KTML 1	10/10/2007	Nam	7.5	Giỏi	
456	25110010	Trần Hoàng Kiệt	KTML 1	04/03/2007	Nam	6.3	Khá	
457	25110011	Nguyễn Hoàng Liệt	KTML 1	03/09/2000	Nam	7.1	Giỏi	
458	25110013	Huỳnh Minh Luân	KTML 1	26/10/2004	Nam	8.0	Giỏi	
459	25110014	Nguyễn Minh Mẫn	KTML 1	16/01/2007	Nam	6.2	Khá	
460	25110015	Phạm Hữu Nghĩa	KTML 1	11/09/2006	Nam	6.2	Khá	
461	25110016	Bùi Phú Nghĩa	KTML 1	11/05/2004	Nam	7.2	Giỏi	
462	25110017	Dương Huỳnh Nghiê	KTML 1	12/12/2007	Nam	7.0	Giỏi	
463	25110018	Lê Đức Nhân	KTML 1	26/05/2007	Nam	7.5	Giỏi	
464	25110019	Phạm Nguyễn Phúc Nhân	KTML 1	20/01/2007	Nam	6.1	Khá	
465	25110020	Nguyễn Thanh Quí	KTML 1	11/03/2004	Nam	8.0	Giỏi	
466	25110021	Triệu Trung Quốc	KTML 1	14/01/2004	Nam	7.1	Giỏi	
467	25110022	Ngô Nhựt Quý	KTML 1	28/03/2003	Nam	7.0	Giỏi	
468	25110023	Nguyễn Mạnh Quỳnh	KTML 1	24/11/2006	Nam	6.9	Khá	
469	25110024	Chau Rôt	KTML 1	14/02/2004	Nam	8.0	Giỏi	
470	25110025	Lê Thanh Sơn	KTML 1	03/05/2007	Nam	6.4	Khá	
471	25110026	Hồ Đắc Thanh	KTML 1	11/05/2007	Nam	6.4	Khá	
472	25110027	Lê Phú Thịnh	KTML 1	06/02/2004	Nam	6.4	Khá	
473	25110028	Nguyễn Đức Trọng	KTML 1	07/11/2007	Nam	6.9	Khá	
474	25110029	Trần Thiện Vinh	KTML 1	11/08/2007	Nam	7.2	Giỏi	
475	25110030	Lê Văn Vũ	KTML 1	27/02/2007	Nam	7.2	Giỏi	
476	25110061	Danh Toàn	KTML 1	17/11/2006	Nam	7.2	Giỏi	
477	25110062	Hà Đình Chiêu	KTML 1	19/05/2004	Nam	6.6	Khá	
478	25110064	Võ Trọng Phúc	KTML 1	08/08/2004	Nam	7.3	Giỏi	
479	25110031	Lưu Hoàng Chương	KTML 2	01/07/2007	Nam	7.9	Giỏi	
480	25110032	Lê Văn Đạt	KTML 2	15/12/2006	Nam	6.8	Khá	
481	25110034	Mai Tiến Dũng	KTML 2	04/11/2007	Nam	6.3	Khá	
482	25110035	Nguyễn Tấn Dũng	KTML 2	05/02/2007	Nam	7.5	Giỏi	
483	25110037	Nguyễn Nhật Hào	KTML 2	24/02/2007	Nam	6.2	Khá	
484	25110038	Bùi Chí Hào	KTML 2	27/09/2007	Nam	7.6	Giỏi	
485	25110039	Đặng Văn Hiếu	KTML 2	05/02/2007	Nam	7.0	Giỏi	
486	25110040	Đoàn Tấn Hòa	KTML 2	22/02/2006	Nam	6.4	Khá	
487	25110041	Từ Minh Quốc Hữu	KTML 2	15/10/2007	Nam	8.0	Giỏi	
488	25110045	Lê Anh Khoa	KTML 2	31/03/2007	Nam	6.3	Khá	
489	25110046	Trần Văn Lộc	KTML 2	20/08/2006	Nam	6.3	Khá	

TT	Mã số sinh viên	Họ và tên	Lớp	Ngày, tháng năm sinh	Giới tính	Thang điểm 10	Xếp loại	GHI CHÚ
490	25110047	Tăng Khoa Nguyên	KTML 2	24/10/2007	Nam	6.2	Khá	
491	25110048	Trần Quốc Nhu	KTML 2	12/06/2003	Nam	8.6	Xuất sắc	
492	25110049	Hứa Minh Nhựt	KTML 2	05/06/2007	Nam	7.6	Giỏi	
493	25110050	Nguyễn Minh Nhựt	KTML 2	13/11/2007	Nam	7.7	Giỏi	
494	25110051	Ngô Hoàng Phúc	KTML 2	16/04/2007	Nam	6.9	Khá	
495	25110052	Lê Trọng Phúc	KTML 2	12/11/2003	Nam	6.5	Khá	
496	25110054	Nguyễn Ngọc Thái	KTML 2	30/06/2007	Nam	7.7	Giỏi	
497	25110055	Nguyễn Minh Thiện	KTML 2	28/08/2007	Nam	7.2	Giỏi	
498	25110056	Sơn Ngọc Thịnh	KTML 2	06/12/2006	Nam	7.2	Giỏi	
499	25110057	Nguyễn Cường Thịnh	KTML 2	17/06/2004	Nam	7.4	Giỏi	
500	25110060	Lê Hoàng Tuấn	KTML 2	30/10/2007	Nam	7.2	Giỏi	
501	25110065	Trần Trung Hiếu	KTML 2	21/05/2007	Nam	7.1	Giỏi	
502	25110066	Dương Quốc Quyền	KTML 2	22/12/2007	Nam	7.0	Giỏi	
503	25110067	Trương Gia Thịnh	KTML 2	10/07/2006	Nam	7.2	Giỏi	
504	25110068	Nguyễn Thanh Tính	KTML 2	20/09/2004	Nam	7.4	Giỏi	
505	25114003	Trần Lam Bửu	VHSCTBL1	09/01/2007	Nam	6.4	Khá	
506	25114004	Nguyễn Văn Chấn	VHSCTBL1	07/04/2004	Nam	7.7	Giỏi	
507	25114005	Sơn Hải Đăng	VHSCTBL1	24/07/2007	Nam	7.0	Giỏi	
508	25114006	Ngô Quốc Đạt	VHSCTBL1	03/10/2007	Nam	7.1	Giỏi	
509	25114007	Đặng Văn Đạt	VHSCTBL1	26/04/2007	Nam	7.1	Giỏi	
510	25114008	Trần Lâm Duy	VHSCTBL1	12/09/2007	Nam	7.6	Giỏi	
511	25114011	Võ Hoàng Hải	VHSCTBL1	13/06/2007	Nam	7.0	Giỏi	
512	25114013	Trương Văn Hao	VHSCTBL1	09/01/2004	Nam	5.7	Khá	
513	25114014	Trần Trung Hậu	VHSCTBL1	18/05/2007	Nam	6.5	Khá	
514	25114015	Châu Hòa Hiệp	VHSCTBL1	08/10/2007	Nam	7.0	Giỏi	
515	25114016	Lê Nguyễn Duy Hiếu	VHSCTBL1	23/04/2007	Nam	6.3	Khá	
516	25114018	Nguyễn Hoàng Khang	VHSCTBL1	09/03/2007	Nam	6.1	Khá	
517	25114019	Nguyễn Quốc Khánh	VHSCTBL1	30/08/2007	Nam	6.3	Khá	
518	25114021	Ngô Chí Linh	VHSCTBL1	01/05/2006	Nam	7.3	Giỏi	
519	25114023	Ngô Minh Lộc	VHSCTBL1	06/05/2007	Nam	6.9	Khá	
520	25114025	Trần Công Nghĩa	VHSCTBL1	31/01/2007	Nam	5.6	Khá	
521	25114026	Phạm Chí Nguyên	VHSCTBL1	19/09/2006	Nam	6.4	Khá	
522	25114027	Trần Minh Nhật	VHSCTBL1	19/12/2007	Nam	6.9	Khá	
523	25114028	Nguyễn Hữu Phát	VHSCTBL1	15/03/2007	Nam	6.2	Khá	
524	25114029	Trần Tấn Phát	VHSCTBL1	07/12/2007	Nam	5.7	Khá	
525	25114030	Nguyễn Đức Phát	VHSCTBL1	04/01/2007	Nam	6.5	Khá	
526	25114031	Lê Đức Phát	VHSCTBL1	03/11/2007	Nam	7.0	Giỏi	
527	25114032	Phan Trường Phát	VHSCTBL1	25/08/2007	Nam	5.9	Khá	
528	25114033	Nguyễn Thanh Phong	VHSCTBL1	11/07/2007	Nam	6.3	Khá	
529	25114036	Nguyễn Phước Thiện	VHSCTBL1	06/05/2007	Nam	6.4	Khá	
530	25114037	Lâm Minh Thư	VHSCTBL1	01/01/2001	Nam	7.3	Giỏi	
531	25114039	Lê Minh Trí	VHSCTBL1	28/03/2007	Nam	7.0	Giỏi	
532	25114041	Nguyễn Minh Trọng	VHSCTBL1	31/10/2007	Nam	7.5	Giỏi	
533	25114044	Lê Nhựt Vinh	VHSCTBL1	05/01/2005	Nam	7.7	Giỏi	
534	25114045	Trần Quốc Ý	VHSCTBL1	15/02/2007	Nam	5.6	Khá	
535	25114088	Nguyễn Anh Tuấn	VHSCTBL1	03/06/2007	Nam	6.9	Khá	
536	25114089	Nguyễn Hoàng Tuấn	VHSCTBL1	28/03/2004	Nam	7.0	Giỏi	
537	25114090	Trương Gia Khang	VHSCTBL1	14/02/2007	Nam	7.1	Giỏi	
538	25114046	Tiêu Chí Cường	VHSCTBL2	14/10/2005	Nam	6.9	Khá	
539	25114047	Phạm Khánh Đăng	VHSCTBL2	21/11/2007	Nam	6.9	Khá	

TT	Mã số sinh viên	Họ và tên	Lớp	Ngày, tháng năm sinh	Giới tính	Thang điểm 10	Xếp loại	GHI CHÚ
540	25114048	Nguyễn Tấn Đạt	VHSCTBL2	11/01/2003	Nam	8.3	Giỏi	
541	25114049	Lâm Thành Đạt	VHSCTBL2	20/11/2007	Nam	6.9	Khá	
542	25114052	Nguyễn Văn Tý	VHSCTBL2	28/10/2007	Nam	6.9	Khá	
543	25114054	Nguyễn Võ Nhật	VHSCTBL2	02/08/2004	Nam	7.6	Giỏi	
544	25114055	Trần Thái	VHSCTBL2	05/07/2003	Nam	7.3	Giỏi	
545	25114056	Nguyễn Bùi Gia	VHSCTBL2	18/08/2007	Nam	7.7	Giỏi	
546	25114058	Nguyễn Võ Hoàng	VHSCTBL2	11/12/2007	Nam	6.9	Khá	
547	25114060	Nguyễn Tuấn	VHSCTBL2	19/10/2007	Nam	7.1	Giỏi	
548	25114061	Trương Gia	VHSCTBL2	30/06/2007	Nam	7.4	Giỏi	
549	25114062	Bạch Anh	VHSCTBL2	06/08/2007	Nam	7.3	Giỏi	
550	25114063	Lê Thái	VHSCTBL2	26/11/2007	Nam	6.4	Khá	
551	25114064	Bùi Trung	VHSCTBL2	06/09/2006	Nam	7.5	Giỏi	
552	25114065	Tô Tuấn	VHSCTBL2	27/11/2005	Nam	6.8	Khá	
553	25114066	Phạm Chí	VHSCTBL2	12/09/2007	Nam	7.5	Giỏi	
554	25114067	Nguyễn Tấn	VHSCTBL2	30/04/2006	Nam	7.0	Giỏi	
555	25114070	Nguyễn Minh	VHSCTBL2	27/01/2007	Nam	6.8	Khá	
556	25114071	Lê Anh	VHSCTBL2	28/02/2007	Nam	6.7	Khá	
557	25114072	Nguyễn Bá	VHSCTBL2	29/06/2007	Nam	7.0	Giỏi	
558	25114073	Nguyễn Hiếu	VHSCTBL2	31/08/2006	Nam	7.2	Giỏi	
559	25114075	Đặng Hoàng	VHSCTBL2	09/11/2002	Nam	7.6	Giỏi	
560	25114079	Trương Nhật	VHSCTBL2	17/04/2007	Nam	6.4	Khá	
561	25114081	Lý Lê Minh	VHSCTBL2	14/01/2007	Nam	6.8	Khá	
562	25114083	Cao Trần Hữu	VHSCTBL2	28/06/2007	Nam	7.3	Giỏi	
563	25114084	Huỳnh Minh	VHSCTBL2	08/03/2008	Nam	7.1	Giỏi	
564	25114086	Nguyễn Thành	VHSCTBL2	19/12/2007	Nam	7.3	Giỏi	
565	25114091	Nguyễn Thanh	VHSCTBL2	19/01/2007	Nam	6.6	Khá	
566	25113001	Châu Chí	CDT	29/06/2007	Nam	6.6	Khá	
567	25113005	Nguyễn Phước	CDT	02/10/2007	Nam	6.7	Khá	
568	25113006	Nguyễn Khánh	CDT	23/09/2007	Nam	7.1	Giỏi	
569	25113007	Nguyễn Trần Chí	CDT	31/08/2007	Nam	6.7	Khá	
570	25113008	Trần Thúy	CDT	16/11/2007	Nữ	7.2	Giỏi	
571	25113009	Dương Chấn	CDT	12/04/2007	Nam	7.1	Giỏi	
572	25113011	Nguyễn Thanh	CDT	02/07/2007	Nam	7.2	Giỏi	
573	25113012	Phan Minh	CDT	10/08/2007	Nam	6.8	Khá	
574	25113013	Nguyễn Quan	CDT	25/09/2004	Nam	7.8	Giỏi	
575	25113014	Nguyễn Duy	CDT	14/10/2007	Nam	6.5	Khá	
576	25113015	Lê Hoàng	CDT	27/02/2006	Nam	7.6	Giỏi	
577	25113017	Nguyễn Văn	CDT	16/01/2006	Nam	7.7	Giỏi	
578	25113018	Nguyễn Minh	CDT	29/04/2006	Nam	7.1	Giỏi	
579	25113019	Nguyễn Trọng	CDT	14/10/2006	Nam	6.6	Khá	
580	25113020	Lê Hoàng	CDT	05/05/2006	Nam	6.8	Khá	
581	25113021	Trần Minh	CDT	15/02/2007	Nam	7.1	Giỏi	
582	25113022	Huỳnh Văn	CDT	24/02/2007	Nam	6.9	Khá	
583	25113023	Trần Đại	CDT	20/10/2007	Nam	6.4	Khá	
584	25113024	Phạm Hoàng	CDT	23/11/2005	Nam	7.7	Giỏi	
585	25113025	Nguyễn Võ Châu Thá Sơn	CDT	16/04/2007	Nam	6.9	Khá	
586	25113027	Lý Hoàn	CDT	02/12/2007	Nam	6.5	Khá	
587	25113028	Trần Thanh	CDT	01/01/2007	Nam	6.3	Khá	
588	25113029	Phạm Lư Vũ	CDT	31/05/2007	Nam	7.2	Giỏi	
589	25113030	Lý Minh	CDT	16/01/2007	Nam	7.1	Giỏi	

TT	Mã số sinh viên	Họ và tên	Lớp	Ngày, tháng năm sinh	Giới tính	Thang điểm 10	Xếp loại	GHI CHÚ
590	25113031	Nguyễn Trung	Tính	CĐT	06/12/2007	Nam	6.3	Khá
591	25113033	Huỳnh Thế	Vinh	CĐT	02/02/2007	Nam	7.1	Giỏi
592	25113034	Lưu Nhật	Ân	CĐT	19/03/2007	Nam	6.8	Khá
593	25113035	Nguyễn Quốc	Bì	CĐT	01/04/2006	Nam	6.8	Khá
594	25113036	Phan Hữu	Danh	CĐT	03/07/2007	Nam	6.8	Khá
595	25113037	Bùi Đình	Khang	CĐT	07/07/2007	Nam	6.8	Khá
596	25113038	Đình Quốc	Lộc	CĐT	03/06/2007	Nam	6.7	Khá
597	25113039	Trần Minh	Quang	CĐT	01/05/2007	Nam	6.5	Khá
598	25105084	Huỳnh Nguyễn	Chương	CNOT 3	03/04/2007	Nam	8.1	Giỏi
599	25105086	Lưu Huỳnh Hải	Đăng	CNOT 3	26/05/2007	Nam	6.7	Khá
600	25105088	Nguyễn Văn Tỷ	Em	CNOT 3	01/01/2006	Nam	6.4	Khá
601	25105089	Châu Phú	Hào	CNOT 3	19/09/2007	Nam	7.0	Giỏi
602	25105090	Huỳnh Thanh	Hạo	CNOT 3	03/05/2007	Nam	6.7	Khá
603	25105092	Nguyễn An	Hòa	CNOT 3	26/01/2006	Nam	7.3	Giỏi
604	25105093	Trịnh Hải	Hưng	CNOT 3	13/08/2007	Nam	7.2	Giỏi
605	25105094	Huỳnh Tấn	Kha	CNOT 3	27/10/2007	Nam	6.4	Khá
606	25105095	Mai Hữu	Khánh	CNOT 3	20/07/2006	Nam	7.1	Giỏi
607	25105096	Huỳnh Đăng	Khoa	CNOT 3	06/03/2007	Nam	5.7	Khá
608	25105099	Nguyễn Sơn	Lâm	CNOT 3	28/04/2007	Nam	6.4	Khá
609	25105100	Dương Quyền	Lê	CNOT 3	19/06/2007	Nam	6.7	Khá
610	25105101	Trần Hữu	Lộc	CNOT 3	20/03/2007	Nam	6.9	Khá
611	25105102	Trần Thanh	Lợi	CNOT 3	02/02/2007	Nam	7.0	Giỏi
612	25105103	Trần Lê	Long	CNOT 3	19/06/2007	Nam	7.8	Giỏi
613	25105104	Trà Minh	Luân	CNOT 3	09/11/2005	Nam	6.8	Khá
614	25105105	Nguyễn Phú	Nhuận	CNOT 3	19/08/2007	Nam	7.0	Giỏi
615	25105108	Lưu Gia	Phúc	CNOT 3	07/04/2007	Nam	6.0	Khá
616	25105109	Nguyễn Trọng	Phúc	CNOT 3	25/08/2007	Nam	7.1	Giỏi
617	25105111	Huỳnh Tấn	Thiện	CNOT 3	30/08/2007	Nam	7.2	Giỏi
618	25105112	Trần Hữu	Thọ	CNOT 3	19/02/2007	Nam	5.5	Khá
619	25105115	Nguyễn Trí	Toàn	CNOT 3	30/11/2006	Nam	5.6	Khá
620	25105116	Nguyễn Thế	Toàn	CNOT 3	07/07/2007	Nam	7.2	Giỏi
621	25105118	Ngô Minh	Trí	CNOT 3	26/11/2006	Nam	7.9	Giỏi
622	25105120	Phạm Tường	Vì	CNOT 3	25/08/2007	Nữ	6.7	Khá
623	25105316	Từ Nguyễn Thanh	Duy	CNOT 3	19/01/2007	Nam	7.0	Giỏi
624	25105318	Võ Hùng	Duy	CNOT 3	03/09/2007	Nam	6.5	Khá
625	25105320	Nguyễn Trung	Hậu	CNOT 3	06/02/2007	Nam	6.6	Khá
626	25105321	Đặng Hoàng	Huân	CNOT 3	07/03/2007	Nam	6.9	Khá
627	25122002	Chiêm Thái	Bảo	KTĐK-TĐH	30/04/2007	Nam	6.9	Khá
628	25122006	Lê Nguyễn	Huy	KTĐK-TĐH	01/01/2007	Nam	6.9	Khá
629	25122007	Ngô Nguyễn Hoàng	Huy	KTĐK-TĐH	01/04/2007	Nam	7.6	Giỏi
630	25122012	Lê Huỳnh Trung	Nhân	KTĐK-TĐH	15/05/2007	Nam	7.4	Giỏi
631	25122014	Võ Trung	Phạm	KTĐK-TĐH	13/08/2004	Nam	7.6	Giỏi
632	25122016	Hồ Hữu	Thiện	KTĐK-TĐH	26/01/2007	Nam	6.7	Khá
633	25122018	Lê Công	Lĩnh	KTĐK-TĐH	12/09/2007	Nam	6.8	Khá
634	25122019	Nguyễn Chí	Nguyễn	KTĐK-TĐH	22/09/2007	Nam	6.4	Khá
635	25122020	Huỳnh Cao	Tiến	KTĐK-TĐH	28/01/2006	Nam	7.0	Giỏi
636	25122021	Trần Trung	Tính	KTĐK-TĐH	23/09/2007	Nam	6.5	Khá
637	25111001	Điền Gia	Bảo	QTM	30/03/2007	Nam	6.7	Khá
638	25111004	Nguyễn Việt	Hoàng	QTM	18/07/2002	Nam	6.3	Khá
639	25111005	Tiêu Trường	Nhớ	QTM	10/02/2001	Nam	7.8	Giỏi

TT	Mã số sinh viên	Họ và tên	Lớp	Ngày, tháng năm sinh	Giới tính	Thang điểm 10	Xếp loại	GHI CHÚ
640	25111007	Mai Chí Tài	QTM	17/06/2005	Nam	6.8	Khá	
641	25111010	Phan Hữu Trọng	QTM	29/11/2007	Nam	6.3	Khá	
642	25111011	Trần Thiệu Vũ	QTM	01/01/2004	Nam	6.6	Khá	
643	25116001	Đoàn Tiến An	CNTT(UDPM)	24/09/2007	Nam	6.8	Khá	
644	25116005	Mai Nguyễn Tiến Đạt	CNTT(UDPM)	30/09/2007	Nam	6.8	Khá	
645	25116006	Phạm Văn Đền	CNTT(UDPM)	12/01/2002	Nam	7.4	Giỏi	
646	25116010	Phan Công Khuân	CNTT(UDPM)	04/09/2007	Nam	6.8	Khá	
647	25116011	Phạm Trung Kiên	CNTT(UDPM)	05/07/2005	Nam	6.3	Khá	
648	25116012	Văn Thanh Liêm	CNTT(UDPM)	23/09/2004	Nam	7.4	Giỏi	
649	25116014	Nguyễn Duy Minh	CNTT(UDPM)	28/01/2006	Nam	6.9	Khá	
650	25116016	Nguyễn Kha Nguyên	CNTT(UDPM)	11/05/2007	Nam	7.0	Giỏi	
651	25116017	Dương Lâm Ngọc Nhã	CNTT(UDPM)	16/04/2002	Nữ	7.9	Giỏi	
652	25116021	Nguyễn Trung Quân	CNTT(UDPM)	14/05/2007	Nam	6.7	Khá	
653	25116023	Lê Tấn Tài	CNTT(UDPM)	16/05/2007	Nam	7.4	Giỏi	
654	25116027	Nguyễn Phúc Thượng	CNTT(UDPM)	09/01/2007	Nam	7.1	Giỏi	
655	25116029	Bùi Gia Huy	CNTT(UDPM)	08/04/2007	Nam	6.5	Khá	
656	25116030	Trần Nguyễn Quốc Huy	CNTT(UDPM)	13/12/2007	Nam	6.5	Khá	
657	25116035	Nguyễn Lê Thiên Ân	CNTT(UDPM)	15/10/2007	Nam	6.7	Khá	
658	25116037	Trần Gia Huy	CNTT(UDPM)	01/11/2003	Nam	7.2	Giỏi	
659	25116038	Võ Thị Yến Linh	CNTT(UDPM)	14/07/2004	Nữ	7.6	Giỏi	
660	23116467	Nguyễn Gia Bảo	HỌC LẠI	08/06/2002	Nam	6.7	Khá	
661	24102012	Lê Văn Nam	HỌC LẠI	30/07/2006	Nam	7.6	Giỏi	
662	24105190	Trần Tấn Đạt	HỌC LẠI	30/11/2006	Nam	5.8	Khá	
663	24111003	Đào Nguyễn Lisa	HỌC LẠI	15/01/2003	Nữ	5.9	Khá	
664	24116007	Chim Bảo Duy	HỌC LẠI	25/01/2001	Nam	7.4	Giỏi	
II. KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN CẤP CHỨNG CHỈ GDQP VÀ AN NINH (05 SINH VIÊN)								
665	25110007	Hà Thanh Hải	KTML 1	04/11/2004	Nam	1.8	Không đạt	
666	25110033	Nguyễn Xuân Đạt	KTML 2	21/02/2006	Nam	1.8	Không đạt	
667	25110053	Võ Duy Quang	KTML 2	19/03/2007	Nam	1.8	Không đạt	
668	25105107	Nguyễn Văn Phúc	CNOT 3	22/12/2007	Nam	1.5	Không đạt	
669	25105114	Bùi Minh Thương	CNOT 3	23/03/2007	Nam	1.7	Không đạt	

Tổng danh sách này có 669 sinh viên.

Cần Thơ, ngày 06 tháng 8 năm 2026

Q. HIỆU TRƯỞNG



ThS. Lê Hoàng Thanh